

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 28/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới

CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023; thay thế Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2022 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS (01).ptth.

CHỦ TỊCH



[Signature]
Bà Thị Quỳnh Vân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới
(Kèm theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị khác ở tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (bao gồm cấp huyện và cấp xã);

b) Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách địa phương hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc cân đối

Nguyên tắc cân đối được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa số chi và nguồn thu ngân sách cấp dưới. Nếu chi lớn hơn thu thì được cấp bổ sung cân đối ngân sách. Nếu thu lớn hơn chi thì được giao thêm nhiệm vụ chi.

Điều 3. Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương được quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương (viết tắt là NSTW) và ngân sách địa phương (viết tắt là NSDP) (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế).

a) Thuế giá trị gia tăng (viết tắt là Thuế GTGT), trừ thuế giá trị gia tăng

thu từ hàng hóa nhập khẩu;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (viết tắt là Thuế TNDN), trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

c) Thuế thu nhập cá nhân;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt (viết tắt là Thuế TTĐB), trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

đ) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

2. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

a) Các khoản thu phân chia giữa NSTW với NSDP; phần NSDP coi như 100%, ngân sách cấp tỉnh hưởng:

- Thuế GTGT, trừ thuế GTGT thu từ hàng hoá nhập khẩu; thuế TNDN, trừ thuế từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; thuế TTĐB thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thuế thu nhập cá nhân.

- Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do Trung ương cấp phép.

- Nguồn thu thuế từ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi và Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất (trừ số thu thuế tài nguyên).

b) Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%:

- Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án do các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý (bao gồm khoản thu cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân tái định cư do ngân sách tỉnh đầu tư);

- Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, tiền thu về từ bán tài sản nhà nước (kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất), thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

- Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà

nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, sau khi trừ các khoản khoán chi phí hoạt động; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

- Huy động, đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

- Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

- Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

- Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương;

- Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

- Thu tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

c) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện:

- Thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (không bao gồm Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi và Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất), gồm các Công ty cổ phần (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hoá Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ), Công ty trách nhiệm hữu hạn, Hợp tác xã (phân phân chia giữa NSTW với NSĐP);

- Thuế thu nhập cá nhân (phân phân chia giữa NSTW với NSĐP);

- Tiền sử dụng đất, cho thuê đất nộp tiền thuê đất một lần từ các dự án do nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án.

3. Nguồn thu ngân sách cấp huyện (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

a) Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

- Lệ phí môn bài, trừ thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh;
 - Thu khác thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hoá Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ);
 - Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, sau khi trừ các khoản khoán chi phí hoạt động; các khoản thu phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu;
 - Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan đơn vị cấp huyện thực hiện;
 - Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;
 - Lệ phí trước bạ (trừ trước bạ nhà, đất);
 - Tiền thu về từ bán tài sản nhà nước (kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất), thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện;
 - Tiền cho thuê tài sản nhà nước do huyện, thị xã, thành phố quản lý;
 - Tiền sử dụng đất từ các dự án do huyện, thị xã, thành phố quản lý và tiền sử dụng đất cấp cho cá nhân;
 - Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
 - Huy động, đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;
 - Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
 - Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;
 - Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.
- b) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp

xã:

- Thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNCN thu từ, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh (phân phân chia giữa NSTW với NSDP);

- Thuế tài nguyên.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép.

4. Nguồn thu ngân sách cấp xã (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

a) Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Lệ phí trước bạ nhà, đất;

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản;

- Tiền thu về từ bán tài sản nhà nước (kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất), thanh lý tài sản thuộc cấp xã quản lý;

- Huy động, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;

- Các khoản đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho xã theo quy định của pháp luật;

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện, sau khi trừ các khoản khoản chi phí hoạt động;

- Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện thu;

- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan đơn vị cấp xã thực hiện;

- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

- Tiền cho thuê tài sản nhà nước do cấp xã quản lý;

- Thu kết dư ngân sách xã;

- Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện;

- Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

b) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp xã với ngân sách cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5. Tiền thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế):

a) Tiền thu từ đầu giá quyền sử dụng đất (sau khi trừ các khoản chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) và giao đất có thu tiền sử dụng đất được trích tối thiểu 5% để thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

b) Tiền thu từ đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách cấp huyện được điều tiết) trên địa bàn xã đang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (kể cả những xã đạt chuẩn nông thôn mới), sau khi trừ các khoản chi phí có liên quan và trích theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, được để lại 50% bằng hình thức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ chi

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

a) Chi đầu tư phát triển:

- Đầu tư cho các dự án do tỉnh quản lý theo quy định;

- Đầu tư, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan tỉnh thực hiện;

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên:

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, đảm bảo xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, khoa học công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý;

+ Giáo dục trung học phổ thông và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý;

+ Đại học, cao đẳng, trung cấp;

+ Các trường dạy nghề dài hạn và ngắn hạn; các hình thức bồi dưỡng, dạy nghề khác;

+ Phòng bệnh, khám chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

+ Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nghiên cứu lịch sử, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, triển lãm và hoạt động văn hoá khác do tỉnh quản lý;

+ Chi bồi dưỡng, tập huấn huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên, các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do tỉnh quản lý;

+ Chi cho nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý;

+ Chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do tỉnh quản lý;

+ Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do tỉnh quản lý.

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý:

+ Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý;

+ Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

+ Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thành, công viên và các sự nghiệp thị chính khác do tỉnh quản lý;

+ Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

+ Các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do tỉnh phê duyệt. Riêng đối với các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp huyện lập, tỉnh phê duyệt trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, ngân sách tỉnh phân bổ 30% kinh phí lập quy hoạch.

+ Điều tra cơ bản;

+ Các hoạt động sự nghiệp về môi trường;

+ Các sự nghiệp kinh tế khác.

- Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia do Chính phủ giao cho tỉnh quản lý.
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
- c) Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.
- d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.
- đ) Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.
- e) Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh sang năm sau.
- g) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

a) Chi đầu tư phát triển:

- Đầu tư các dự án do cấp huyện quản lý;

Đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, ngoài các nhiệm vụ như ngân sách huyện còn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan huyện thực hiện;
- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên:

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, đảm bảo xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, phát thanh, truyền thanh, truyền hình, môi trường, các sự nghiệp khác do huyện quản lý:

+ Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Trung tâm chính trị; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên; đào tạo, bồi dưỡng khác;

+ Công tác môi trường, xử lý môi trường khu dân cư, cụm công nghiệp, làng nghề,... do huyện quản lý.

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế: Nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, địa chính, ngư nghiệp, diêm nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, sự nghiệp giao thông (duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp huyện quản lý), các sự nghiệp kinh tế khác do huyện quản lý; chi kiến thiết thị chính; các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp huyện lập, cấp tỉnh phê duyệt và do cấp huyện phê duyệt.

- Công tác quân sự địa phương:

+ Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng trên địa bàn huyện;

+ Tổ chức các hoạt động ngày quốc phòng toàn dân, ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ, ngày biên phòng toàn dân;

+ Tham gia hội thao quốc phòng các cấp;

+ Tổng kết khen thưởng các đơn vị, cán bộ có thành tích trong công tác quốc phòng;

+ Tổ chức, huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ được giao; tổ chức và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ theo qui định của pháp luật;

+ Công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng;

+ Các nhiệm vụ khác của công tác quốc phòng theo qui định của pháp luật.

- Công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội địa phương:

+ Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ an ninh, trật tự trên địa bàn huyện;

+ Tuyên truyền, giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

+ Hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

+ Tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Các nhiệm vụ khác về công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo qui định của pháp luật.

- Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam do huyện quản lý.

- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

- Chi hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân, ban đại diện người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (bao gồm chi bổ sung từ nguồn thu tiền đầu giá quyền sử dụng đất).

d) Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

đ) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

a) Chi đầu tư phát triển:

- Chi đầu tư các dự án do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật;

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên:

- Hỗ trợ chi hoạt động nhà trẻ, mẫu giáo do xã quản lý.

- Chi đảm bảo xã hội: Chi trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chi thăm hỏi các đối tượng chính sách; cứu trợ đột xuất.

- Chi hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục - thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý.

- Chi sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng do xã quản lý.

- Chi sự nghiệp kinh tế: hỗ trợ khuyến khích phát triển sự nghiệp kinh tế theo chế độ quy định; sự nghiệp môi trường: hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt ở khu dân cư,...

- Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp xã; chi hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam cấp xã.

- Chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã; chi hỗ trợ ban đại diện người cao tuổi, hoạt động cộng đồng dân cư theo qui định của pháp luật.

- Chi nhiệm vụ quân sự địa phương:

+ Chi hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ mới, tổ chức sơ kết, tổng kết quân sự địa phương;

+ Chi hỗ trợ thực hiện luật nghĩa vụ quân sự ở xã;

+ Chi hỗ trợ hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Chi công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương:

+ Đảm bảo hoạt động của công an xã bán chuyên trách khi được sử dụng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi;

+ Chi triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn xã, chi ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

Điều 6. Tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và những năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới

Tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và những năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới như Phụ lục kèm theo./.



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 của HĐND tỉnh)

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuế thu từ các Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương, địa phương (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn Điều lệ trở lên), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ Xổ số kiến thiết)					
1.1	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	7	93			
1.2	Thuế TNDN (trừ các DN hạch toán toàn ngành)	7	93			
1.3	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	7	93			
1.4	Thuế tài nguyên			50	50	
1.5	Thu khác về thuế (bao gồm thu phạt về thuế)		100			
2	Thuế công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh					
2.1	Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB của các công ty cổ phần (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ), Công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã.					
a	Thu trên địa bàn thành phố	7	41	52		
b	Thu trên địa bàn các huyện, thị xã	7		93		
2.2	Thuế GTGT, thuế TTĐB của kinh tế cá thể, hộ gia đình					
a	Thu trên địa bàn thành phố	7		78	15	
b	Thu trên địa bàn các huyện, thị xã	7		62	31	
2.3	Thuế tài nguyên			50	50	
2.4	Thuế tài nguyên thu từ Nhà máy thủy điện Nước Trong					
a	Huyện Sơn Hà			20	20	
b	Huyện Trà Bồng			30	30	
2.5	Thuế tài nguyên thu từ Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1					
a	Huyện Sơn Hà			30	30	
b	Huyện Sơn Tây			20	20	
2.6	Các khoản thu thuế từ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi và Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất (trừ số thu thuế tài nguyên)	7	93			
2.7	Thu khác về thuế Công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (bao gồm thu phạt về thuế)			100		
3	Lệ phí trước bạ					
3.1	Lệ phí trước bạ nhà đất				100	
3.2	Lệ phí trước bạ khác			100		
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				100	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				100	

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước					
6.1	Giấy phép do Trung ương cấp	70	30			
6.1	Giấy phép do UBND tỉnh cấp			70	30	
7	Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương		100			
8	Thu tiền sử dụng đất					
8.1	Cấp đất cho cá nhân			100		
8.2	Thu đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất					
a	Dự án ngân sách tỉnh đầu tư		100			
b	Dự án ngân sách huyện, thị xã, thành phố đầu tư			100		
8.3	Các dự án giao đất cho nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án và các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (bao gồm tiền sử dụng đất và cho thuê đất nộp tiền thuê đất 1 lần)		50	50		cấp huyện hưởng 50% nhưng tối đa không quá 50 tỷ đồng/dự án
8.4	Khoản thu cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân tái định cư					
a	Ngân sách tỉnh đầu tư		100			
b	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đầu tư			100		
9	Tiền cho thuê đất (không bao gồm nội dung quy định tại mục 8.2 và 8.3 Phụ lục này), thuê mặt nước			100		
10	Thuế thu nhập cá nhân					
10.1	Thuế thu nhập cá nhân do Cục thuế thu	7	93			
10.2	Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục thuế, Chi cục thuế khu vực thu					
a	Thuế TNCN của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh					
	- Thu trên địa bàn thành phố	7		78	15	
	- Thu trên địa bàn huyện, thị xã	7		93		
b	Thuế TNCN khác	7		93		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		100			
12	Thuế bảo vệ môi trường	7	93			
13	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản (đối với phí bảo vệ môi trường từ nước thải đã trừ các khoản được để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch, chi phí hoạt động thu phí)		50	50		
14	Lệ phí môn bài					

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a	Thu từ các doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã			100		
b	Thu từ hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh				100	
15	Thu phí, lệ phí khác					
a	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
b	Các đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý			100		
c	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý				100	
16	Thu sự nghiệp					
a	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
b	Các đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý			100		
c	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý				100	
17	Thu tiền bán nhà, thuê nhà, thanh lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước					
a	Do tỉnh quản lý		100			
b	Do huyện, thị xã, thành phố quản lý			100		
c	Do xã, phường, thị trấn quản lý				100	
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản				100	
19	Thu khác ngân sách					
19.1	Thu phạt, tịch thu (trừ thu phạt về thuế)					
a	Do Trung ương quản lý thu	100				
b	Do tỉnh quản lý thu		100			
c	Do huyện, thị xã, thành phố quản lý thu			100		
d	Do xã, phường, thị trấn quản lý thu				100	
19.2	Thu xử phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông					
a	Do Trung ương quản lý thu	100				
b	Do tỉnh quản lý thu		100			
c	Do huyện, thị xã, thành phố quản lý thu			100		
d	Do xã, phường, thị trấn quản lý thu				100	
19.3	Thu đóng góp					
a	Do tỉnh thu		100			
b	Do huyện, thị xã, thành phố thu			100		
c	Do xã, phường, thị trấn thu				100	
20	Các khoản thu khác					
a	Do tỉnh thu		100			
b	Do huyện, thị xã, thành phố thu			100		
c	Do xã, phường, thị trấn thu				100	